

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VỀ KHÓA HỌC NĂM 2020

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Mục đích khảo sát

- Biết được mức độ đáp ứng của Trường về chất lượng đội ngũ giảng viên (GV), chất lượng đào tạo và phục vụ cũng như các điều kiện về sinh hoạt, đời sống dành cho sinh viên trong thời gian học tại Trường.
- Giúp Nhà trường và lãnh đạo các Phòng/Ban/Khoa/Bộ môn: (1) có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường; (2) xây dựng chính sách hỗ trợ cán bộ, GV, nhân viên và sinh viên trong công tác giảng dạy, phục vụ và học tập.
- Thể hiện trách nhiệm của người học đối với quyền lợi và nghĩa vụ học tập; tạo điều kiện để sinh viên tốt nghiệp (SVTN) được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện ý kiến về công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường.

2. Đối tượng khảo sát

SVTN năm 2020 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM.

3. Hình thức khảo sát

SVTN thực hiện 1 trong 2 hình thức sau:

- Khảo sát online: SVTN đăng nhập vào hệ thống www.survey.uit.edu.vn và hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn. Phòng DL&CNNTT, Phòng CTSV hỗ trợ triển khai hoạt động khảo sát trực tuyến.

- Khảo sát bằng phiếu giấy: SVTN thực hiện khảo sát tại VP Khoa.

4. Nội dung khảo sát

- Khảo sát thu thập thông tin về:
 - Sơ lược tình hình tốt nghiệp của SV;
 - Ý kiến đánh giá của SVTN về mục tiêu và chương trình đào tạo; đội ngũ GV; công tác quản lý và phục vụ đào tạo; đánh giá chung.
- Phòng TT-PC-ĐBCL đã xây dựng phiếu khảo sát gồm: 04 câu hỏi về tình hình

việc làm; 27 câu hỏi/tiêu chí đánh giá về khóa học với thang đo Likert 4 mức độ: Chưa tốt/Hài lòng - Bình thường - Tốt/Hài lòng - Rất tốt/Hài lòng.

- Kết quả thu thập được xử lý bằng các phần mềm SPSS, Excel.

5. Thực trạng SV tốt nghiệp tham gia khảo sát

Khảo sát đã thu được ý kiến đánh giá của 421/491 SVTN trong năm 2020, đạt tỷ lệ 85.7% (năm 2019 có tỷ lệ phản hồi từ 81.4-82.2%), số lượng này đảm bảo ý nghĩa về mặt thống kê cho việc phân tích các dữ liệu thu được theo công thức: $n = \frac{N}{1+N.e^2}$

Dưới đây là thống kê chi tiết tình hình khảo sát:

ST T	Ngành đào tạo	SL Tốt nghiệp	SL Khảo sát	Tỷ lệ (%)
1	Công nghệ Thông tin	30	27	90
2	Hệ thống Thông tin	35	32	91,4
3	Hệ thống Thông tin (Chuyên ngành Thương mại điện tử)	22	18	81,8
4	Hệ thống Thông tin (CTTT)	16	14	87,5
5	Hệ thống Thông tin (CLC)	26	23	88,5
6	Khoa học Máy tính	61	42	68,9
7	Khoa học Máy tính (CNTN)	29	29	100
8	Kỹ thuật Máy tính	39	22	56,4
9	Kỹ thuật Máy tính (CLC)	15	13	86,7
10	Kỹ thuật Phần mềm	66	59	89,4
11	Kỹ thuật Phần mềm (CLC)	40	36	90
12	Truyền thông và Mạng máy tính	50	48	96
13	An toàn thông tin	35	31	88,6
14	An toàn thông tin (KSTN)	27	27	100
Tổng cộng		491	421	85,7

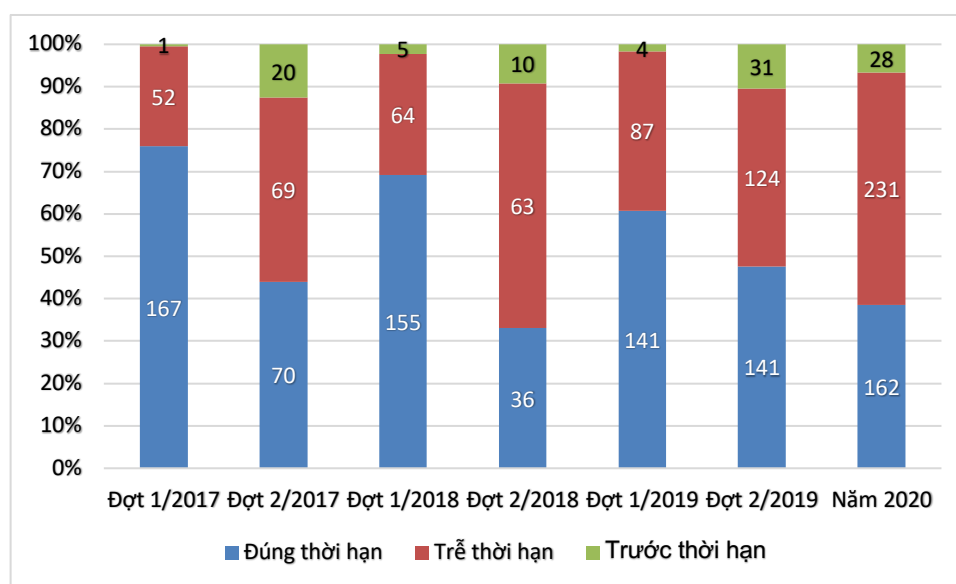
Bảng 1. Số lượng SVTN tham gia khảo sát theo ngành đào tạo

B. TÌNH HÌNH TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN

1. Thời điểm SVTN so với quy định của Trường

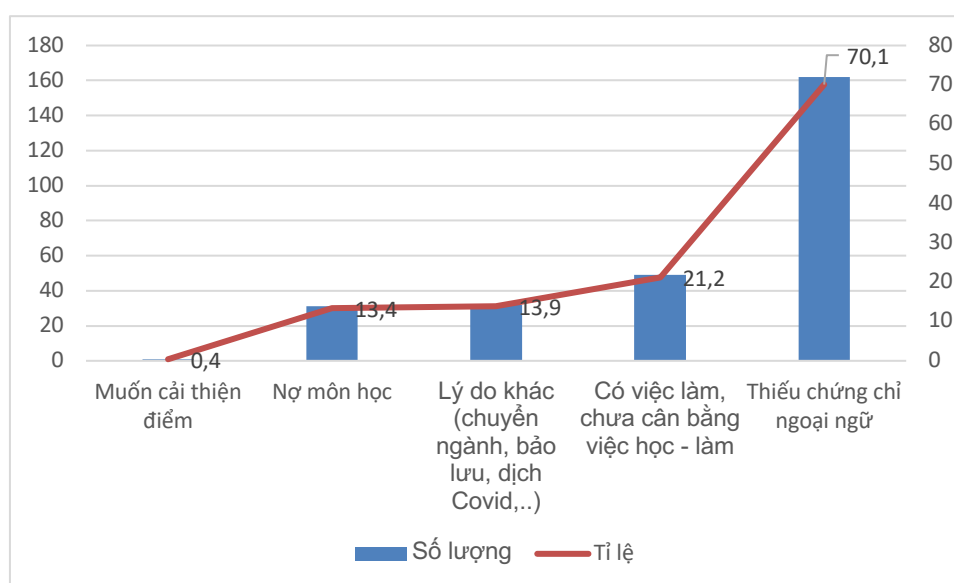
Trong số 421 SVTN tham gia khảo sát, có 162 SV chiếm tỷ lệ 38.5% tốt nghiệp đúng thời gian quy định theo thiết kế của CTĐT, 231 SV (54.9 %) tốt nghiệp sau 4 đến 6 năm theo thời gian quy định và 28 SV (6.7%) tốt nghiệp trước hạn. Như vậy, năm 2020 có số lượng SVTN tăng lên so với các năm nhưng tỉ lệ sinh viên tốt trễ hạn cũng đang có xu hướng tăng lên. Số lượng SV tốt nghiệp trễ hạn năm 2020 đã số tập trung cho các khoá tuyển 2013 và 2014.

Dưới đây là tình trạng tốt nghiệp của SV đã tham gia khảo sát qua các đợt theo năm học:



Biểu đồ 1. Tình trạng SVTN qua các đợt khảo sát

Theo thống kê từ khảo sát 231 SVTN trễ hạn cho biết các nguyên nhân dẫn đến việc tốt nghiệp không đúng với thiết kế của chương trình đang theo học.



Biểu đồ 2. SV tốt nghiệp trễ hạn theo các nguyên nhân

Nhìn chung, các nhóm nguyên nhân này khá phổ biến trong mỗi học kỳ, chiếm tỉ lệ cao nhất trong các nhóm nguyên nhân vẫn là việc sinh viên thiếu chứng chỉ Tiếng Anh để đủ điều kiện xét tốt nghiệp (70.1%); nguyên nhân tiếp theo là có việc làm, chưa cân bằng giữa việc học-làm (21.2%, tỉ lệ này đã giảm nhiều so với năm 2019- tỉ lệ 34.0%).

Trong nhiều học kỳ qua, Nhà trường đã cố gắng khắc phục các nguyên nhân gây ảnh hưởng đến việc hoàn thành chương trình học của SV, thực hiện nhiều hoạt động nhằm tăng cường ngoại ngữ cho sinh viên, phối hợp với trung tâm IIG, trung tâm ngoại ngữ của ĐH Bách Khoa để tổ chức các kỳ thi Toeic,... Tuy nhiên, đối với năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid nên nhiều lịch thi lấy chứng chỉ tiếng anh đã bị dời lại vì vậy đã ảnh hưởng đến kế hoạch tốt nghiệp đúng thời hạn của SV. Ngoài ra, với các khuyến nghị của Phòng TT-PC-ĐBCL, các Khoa và GV đã có nhiều sự tư vấn, định hướng để giúp SV cân bằng giữa việc học và tham gia các trải nghiệm công việc. Phòng TT-PC-ĐBCL đề xuất phòng ĐTĐH, phòng CTSV và các Khoa tiếp tục phối hợp để thực hiện các hoạt động tư vấn cho sinh viên hiểu đúng ý nghĩa của việc đi làm sớm và ưu tiên hàng đầu cho việc học tập tại trường.

SVTN trễ hạn theo nguyên nhân của từng ngành:

Ngành đào tạo	Các nguyên nhân					Tổng
	Nợ môn học	Muốn cải thiện điểm	Có việc làm	Thiếu chứng chỉ ngoại ngữ	Khác	
Công nghệ Thông tin	-	-	3	11	-	14
Hệ thống Thông tin	4	-	7	18	-	29
Hệ thống Thông tin (Chuyên ngành Thương mại điện tử)	2	-	3	12	-	17
Hệ thống Thông tin (CTTT)	-	-	1	6	-	7
Hệ thống Thông tin (CLC)	1	-	2	7	-	10
Khoa học Máy tính	2	-	3	13	5	23
Khoa học Máy tính (CNTN)		-	-	7	1	8
Kỹ thuật Máy tính	3	-	6	11	-	20
Kỹ thuật Máy tính (CLC)	1	-	2	6	-	9
Kỹ thuật Phần mềm	4	1	3	23	-	31
Kỹ thuật Phần mềm (CLC)	2	-	5	9	-	16
Truyền thông và Mạng máy tính	6	-	7	22	-	35
Tổng cộng	26	1	46	158	6	237

Bảng 2. SVTN trễ hạn theo nguyên nhân của từng ngành (ĐVT: lượt)

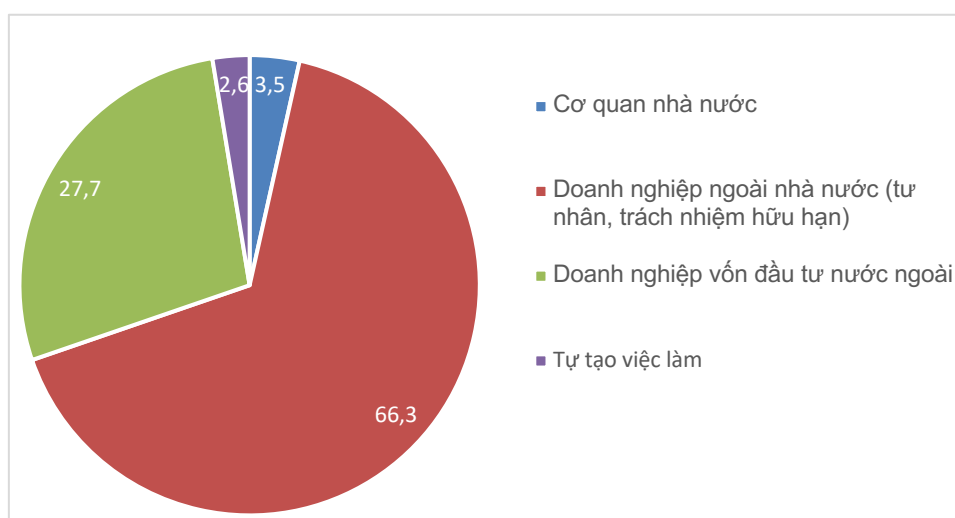
2. Việc làm của SV tốt nghiệp

2.1. Tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp

Có 346 SVTN đã có việc làm trước và ngay sau khi tốt nghiệp, chiếm tỉ lệ 82.2% và có 75 SVTN chưa có việc làm (17.8%). Qua phân tích, số lượng SVTN chưa có việc làm chủ yếu là nhóm SV vừa mới nhận bằng tốt nghiệp tại trường (khoảng 2-3 tháng). Ngoài ra, có 28/75 SVTN trễ hạn chưa có việc làm, cụ thể: MMT&TT có 4SV, ATTT: 4SV, KH&KTTT: 4SV, HTT: 2SV, KHMT: 5SV, KTMT: 5SV, KTPM: 4SV có 2SV và 3 SV Khoa HTTT.

2.2. Loại hình tổ chức và vị trí làm việc của SVTN

Có 347/421 SV cung cấp thông tin về loại hình doanh nghiệp mà các bạn đang làm việc. Đa số SVTN của Trường đang làm việc cho các *doanh nghiệp ngoài nhà nước (tư nhân, trách nhiệm hữu hạn, cty cổ phần)* với tỉ lệ là 66.3%, tiếp đến là các *doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* (24.3%); một số khác làm việc tại các *công ty trách nhiệm hữu hạn* (27.7%) và các đơn vị thuộc *khối cơ quan nhà nước* (3.5%), đặc biệt, có 2.6% SVTN đã tự khởi nghiệp (start-up). Nhìn chung số lượng SVTN hiện nay đang tham gia lao động ở các loại hình doanh nghiệp là khá đa dạng.



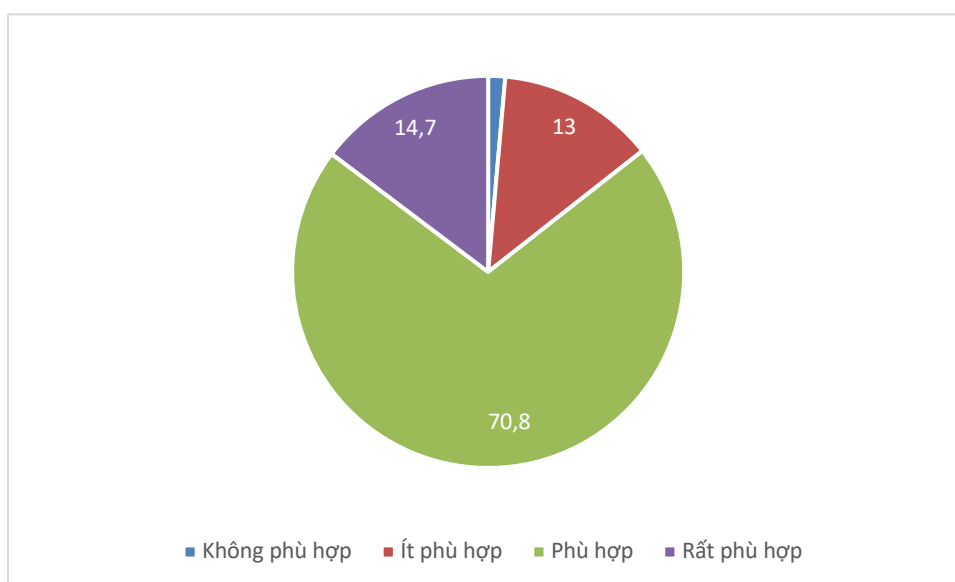
Biểu đồ 4. Loại hình tổ chức SVTN đang làm việc (%)

SVTN tham gia làm việc tại nhiều công ty/doanh nghiệp nổi tiếng trong lĩnh vực công nghệ thông tin – truyền thông như: KMS Technology, Bosch, Công ty TNHH Harveynash Việt Nam, Linkbynet, Sorimachi Việt Nam, Sony Japan, Hitachi Vantara, DXC, Công Ty TNHH Vinad Media, GEO system solution Vietnam, Cty Sorimachi, LINKBYNET, Công Ty TNHH INPHI Việt Nam, Knorex, ZMP Viet Nam, HT Technology Vision,...ở nhiều vị trí nghề nghiệp đa dạng như: Kỹ sư phần mềm, nghiên cứu viên, chuyên viên (hệ thống, phát triển ứng dụng Web, phân tích, tư vấn), điều hành,

nhân viên kỹ thuật, QC, Tester, Sysadmin, API developer, lập trình viên, Network Intern, System Engineer, Software engineer, Product Manager,...

3. Mức độ phù hợp với công việc với chuyên môn đào tạo

Trong tổng số 346 SVTN có việc làm tham gia đánh giá mức độ phù hợp của công việc với chuyên môn được đào tạo, chiếm tỷ lệ cao nhất với 70.8% (tương ứng với 245 SVTN) cho là công việc hiện tại đang làm là phù hợp; 14.7% SVTN cho rằng chuyên môn đào tạo đáp ứng rất tốt cho công việc (cao hơn đợt 1/2019: tỉ lệ 17.9%). Số sinh viên đánh giá *chuyên môn đào tạo ít phù hợp và không phù hợp với công việc chiếm tỉ lệ 14.4%* (tỉ lệ này giảm so với năm 2019 từ 16.4%- 22.2%). Tuy nhiên, với tỉ lệ nêu trên các Khoa cần xem xét các nguyên nhân để có các giải pháp phù hợp cải thiện tình hình trong các học kỳ tới.



Biểu đồ 5. SVTN đánh giá mức độ phù hợp trong công việc với chuyên môn

C. ĐÁNH GIÁ VÀ NHẬN XÉT VỀ KHÓA HỌC

Phiếu khảo sát được thực hiện nhằm tìm hiểu ý kiến đánh giá của SVTN về khóa học ở 04 nội dung: mục tiêu và chương trình đào tạo; đội ngũ GV; công tác quản lý và phục vụ đào tạo; đánh giá chung về toàn khóa học.


Để kiểm tra độ tin cậy của thang đo ở 4 nhóm nội dung trên, phòng TT-PC-ĐBCL đã sử dụng phần mềm SPSS 20 để chạy phân tích hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả thể hiện ở bảng sau:


TT	Nội dung	Số lượng	Cronbach's	Hệ số tương quan	Kết luận
----	----------	----------	------------	------------------	----------

		tiêu chí	Alpha của thang đo	biến tổng của tiêu chí	
1	Mục tiêu và chương trình đào tạo	8	0.78	Cronbach's Alpha của thang đo là 0.95, các hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0.4 và không có trường hợp loại bỏ biến quan sát nào có thể làm cho Cronbach's Alpha của thang đo này lớn hơn 0.95.	Tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận và sẽ được sử dụng trong phân tích. ⇒ đạt độ tin cậy
2	Đội ngũ GV	7	0.71		
3	Công tác quản lý và phục vụ đào tạo	7	0.83		
4	Đánh giá chung	5	0.92		

Bảng 3. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo ở các nhóm tiêu chí

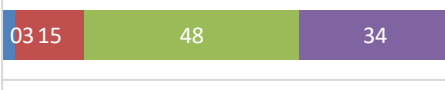

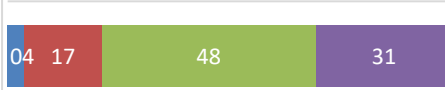

1. Đánh giá mục tiêu và chương trình đào tạo (CTĐT)

 ĐTB thấp nhất

 ĐTB cao nhất

Nội dung	Chưa tốt/chưa hài lòng	Bình thường	Tốt/hài lòng	Rất tốt/rất hài lòng	Ý kiến khác	ĐTB	Độ lệch chuẩn (ĐLC)* ¹
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phổ biến đến người học rõ ràng, đầy đủ.	09	48	42		0.5	3,76	0.7
Chuẩn đầu ra nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được	08	52	38		0.2	3,50	0.5
Trình tự các môn học được thiết kế logic, có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau.	0211	51	35		0.7	3,89	0.8
Nội dung chương trình đào tạo thể hiện rõ học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp.	06	51	42		0.2	3,57	0.5

¹ ĐLC (Standard Deviation): Độ lệch chuẩn cho ta biết về sự biến thiên, từng giá trị quan sát có mối liên hệ tập trung như thế nào xung quanh giá trị trung bình, độ lệch chuẩn càng lớn => sự biến thiên xung quanh giá trị trung bình càng lớn

Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật.		0.5	3,58	0.6
Chương trình đào tạo được phổ biến qua nhiều kênh và đến từng người học.		0.0	3,10	0.7
Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý.		0.0	3,06	0.7
Nhà trường tổ chức hoạt động dạy – học đúng theo chương trình đào tạo		0.2	3,58	0.5

Bảng 4. SVTN đánh giá sự hài lòng về mục tiêu và chương trình đào tạo

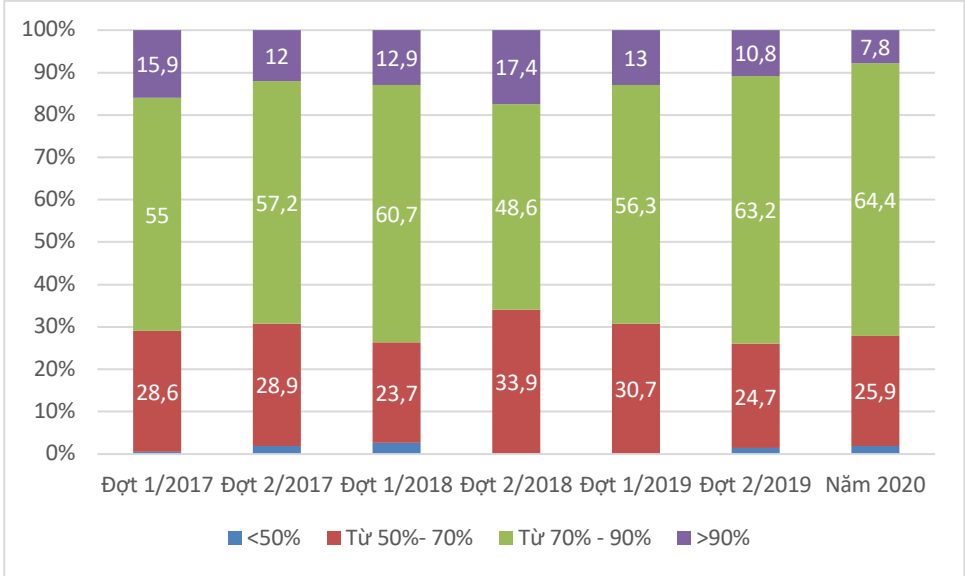
Tất cả các nội dung về mục tiêu và CTĐT được SVTN đánh giá ở mức độ hài lòng ($\text{ĐTB} > 3.0$). Tiêu chí được đánh giá cao nhất là trình tự các môn học được thiết kế logic, có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau ($\text{ĐTB} = 3.89$, $\text{ĐLC} = 0.8$), tiếp theo là tiêu chí về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phổ biến đến người học rõ ràng, đầy đủ ($\text{ĐTB} = 3.76$, $\text{ĐLC} = 0.7$), Nhà trường tổ chức hoạt động dạy – học theo đúng CTĐT ($\text{ĐTB} = 3.58$, $\text{ĐLC} = 0.5$), CTĐT đã thể hiện rõ các khối kiến thức ($\text{ĐTB} = 3.29$, $\text{ĐLC} = 0.75$) và thể hiện chi tiết các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được,... Trong năm 2019, tiêu chí về *mức độ cập nhật của chương trình đào tạo* chưa được SVTN đánh giá cao thì trong năm 2020 đã có sự cải thiện.

Nhìn chung, các tiêu chí đánh giá đều đạt điểm trung bình cao, tuy nhiên cần lưu ý tiêu chí về tỷ lệ phân bố lý thuyết và thực hành mặc dù đã được cải thiện so với năm 2019. Trên thực tế, GV đã triển khai các dạy học theo số tín chỉ môn học đảm bảo yêu cầu về thời lượng lý thuyết và thực hành. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các Khoa xem xét các giải pháp để tăng thời lượng thực hành môn học theo mong muốn của SV trên cơ sở đảm bảo nội dung của môn học.

***Đánh giá tỷ lệ đạt chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT**

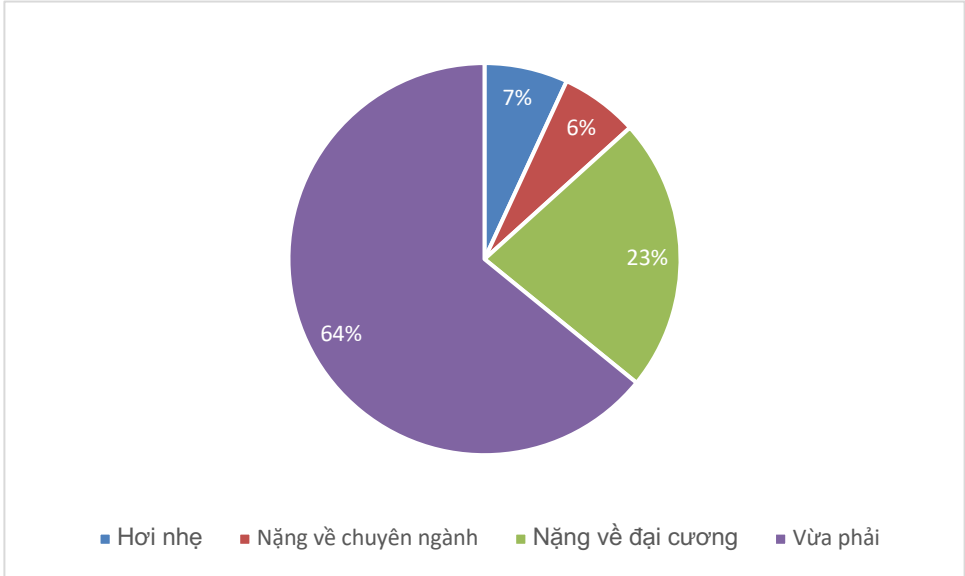
Tỷ lệ SVTN tự đánh giá mức độ đạt được CĐR toàn khóa học tập trung ở mức 70% – trên 90% chiếm tỉ lệ 64.4%; 7.8% đánh giá đạt >90% CĐR và chỉ có 1.9% SVTN tự đánh giá đạt chuẩn đầu ra ở mức dưới 50%. Kết quả này chưa có sự khác biệt so với đánh giá của SV năm 2019. Trong bảng ý kiến đóng góp thêm của SV cho Nhà trường, SV cho biết nhiều môn học GV chưa đề cập đến CĐR và vai trò quan trọng của CĐR trong CTĐT. Phòng TT-PC-ĐBCL đề nghị các Khoa, GV và các đơn vị trong trường trong việc phổ biến

CDR đến sinh viên thông qua CTĐT công bố trên website, giới thiệu đề cương môn học, trong đề thi, đặc biệt là buổi đầu tiên của môn học nhằm giúp SV nỗ lực đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ sau khi hoàn thành khóa học.



Biểu đồ 6. Tỷ lệ SVTN tự đánh giá mức độ đạt CDR (%)

***Đánh giá khối lượng CTĐT**



Biểu đồ 7. Tỷ lệ SVTN đánh giá khối lượng CTĐT đã học (%)

Biểu đồ 7 cho thấy đa số SVTN đánh giá khối lượng CTĐT là vừa phải với tỉ lệ 64% tăng đáng kể so với năm 2019 (đạt tỉ lệ từ 60% - 60.8%); 22.6% đánh giá CTĐT nặng về đại cương (giảm so với năm 2019 với tỉ lệ từ 24 - 32,2%). Kết quả này không có sự thay đổi qua các đợt khảo sát. Những SV đánh giá khối lượng CTĐT “hơi nhẹ” và “vừa phải” thường tập trung ở những em có học lực từ khá trở lên. Mặc dù các Khoa đã cân nhắc và lựa chọn các môn học đảm bảo tính đặc thù của ngành học, giảm tải bớt tín chỉ; tuy nhiên

còn phụ thuộc và đối tượng người học với năng lực khác nhau để thiết kế chương trình dạy- học cho phù hợp.

2. Đánh giá về đội ngũ giảng viên

Nội dung	Chưa tốt/ chưa hài lòng	Bình thường	Tốt/hài lòng	Rất tốt/rất hài lòng	Ý kiến khác	ĐTB	ĐLC	
Hầu hết giảng viên có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng.	1	06	43	50	0.2	3,65	0.5	
Hầu hết giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ Anh/Chị.	0	1	09	43	48	0.0	3,37	0.7
Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp Anh/Chị hiểu được và vận dụng được kiến thức.	1	12	53	34	0.0	3,20	0.7	
Hầu hết giảng viên hướng dẫn Anh/Chị cách học tập chủ động và động cơ học tập suốt đời.	0	2	10	49	39	0.5	3,41	0.6
Hầu hết giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	0	0	7	50	43	0.0	3,34	0.6
Hầu hết giảng viên đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị.	1	8	52	39	0.2	3,51	0.5	
Cố vấn học tập thường xuyên cung cấp thông tin và hướng dẫn về điều kiện học tập và sinh hoạt cho Anh/Chị.	0	3	11	45	41	1.0	3,15	0.9

Bảng 5. SVTN đánh giá sự hài lòng về đội ngũ giảng viên

Phần lớn SVTN đều đánh giá cao sự nhiệt tình của giảng viên, tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng (gọi chung là hài lòng) đạt 90.3% (ĐTB= 3.37, ĐLC= 0.7). So với các đợt khảo sát ở học kỳ trước, tiêu chí này đã được cải thiện nhiều (năm đạt ĐTB: 2.79 & ĐLC: 1.30); sinh viên cũng đánh giá cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV với tỉ lệ 92.6% (ĐTB= 3.65, ĐLC=0.5), tăng nhẹ so với năm 2019 (đạt tỉ lệ 91.9%); đây cũng là tiêu chí giữ vững thứ hạng cao qua các đợt khảo sát.

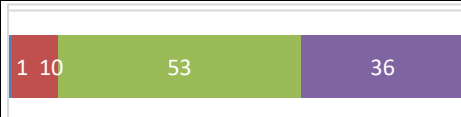
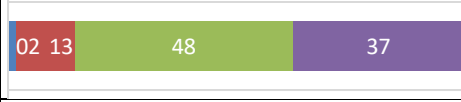

Nhà trường ban hành quy hoạch giảng dạy theo Quyết định số 129/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH nhằm tối ưu hoá năng lực người dạy, giỏi chuyên môn để phát triển chất lượng dạy

học. Đồng thời, các hoạt động khảo sát lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên được triển khai định kỳ giúp Nhà trường có cơ sở để điều chỉnh và nâng cao chất lượng đội ngũ. Chính vì vậy, tiêu chí về trình độ của giảng viên luôn được đánh giá tốt. Ngoài ra, các tiêu chí còn lại trong tiêu chuẩn đều được sinh viên đánh giá khá tốt, có cải thiện so với đợt các năm trước: Phương pháp giảng dạy của giảng viên (đợt 1/2019 TB=2.56; DLC= 1.22); đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy (đợt 1/2019: TB=2.65; DLC= 1.26). Đặc biệt, tiêu chí về *hoạt động cố vấn học tập* đạt điểm trung bình đánh giá ở mức tốt (85.5%) nhưng chưa có sự thay đổi đáng kể so với năm 2019 (tỉ lệ 85.8 %).

Trong những học kỳ vừa qua, CVHT đã hỗ trợ tích cực trong việc học tập và khuyến khích SV tham gia các phong trào của Nhà trường, công tác cố vấn học tập cũng được theo dõi và đánh giá bởi phòng CTSV do đó đã có nhiều cải thiện tốt. Tuy nhiên, theo ý kiến đánh giá của SV, có thể đánh giá hoạt động cố vấn học tập không đồng đều, tập trung ở một số GV và một số Khoa. Phòng TT-PC-ĐBCL đề nghị các Khoa rà soát và tiếp tục phối hợp với phòng CTSV để triển khai các hoạt động đánh giá CVHT nhằm đem lại hiệu quả cao hơn nữa.

3. Đánh giá công tác quản lý và phục vụ đào tạo

Nội dung	Chưa tốt/chưa hài lòng	Bình thường	Tốt/hài lòng	Rất tốt/rất hài lòng	Ý kiến khác	TB	ĐLC
Cán bộ, nhân viên văn phòng (phòng Đào tạo, CTSV, giáo vụ Khoa và các bộ phận khác) có thái độ phục vụ tốt, kịp thời.	02 09	49	40		0.2	3,50	0.5
Phòng học/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.	03 17	44	34		1.0	3,65	0.9
Trang thiết bị phục vụ cho dạy – học được trang bị đầy đủ và hiện đại.	04 20	46	31		0.0	3,04	0.8
Thư viện có đủ không gian, chỗ ngồi và tư liệu tham khảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu của Anh/Chị.	01 10	48	41		0.7	3,96	0.8

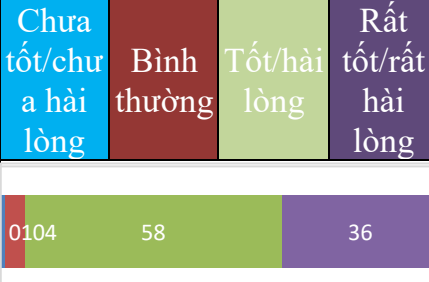
Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời.		0.2	3,67	0.5
Kết quả học tập được thông báo kịp thời.		1.0	3,52	0.9
Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Ban Giám hiệu/Chủ nhiệm khoa.		0.2	3,50	0.5

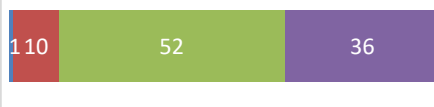



Bảng 6. SVTN đánh giá sự hài lòng về công tác quản lý và phục vụ đào tạo

Về công tác quản lý và phục vụ đào tạo, SVTN đánh giá hài lòng ở tất cả các tiêu chí. Trong đó, tiêu chí về đáp ứng các yêu cầu hợp lý của người học và tiêu chí về thư viện được đánh giá ở mức hài lòng cao nhất. Đây cũng lần đầu tiên SV đánh giá thư viện có sự cải tiến trong việc bố trí không gian và bổ sung tài liệu học tập. Ngoài ra, tiêu chí thái độ phục vụ của nhân viên ở các phòng, mặc dù là tiêu chí chiếm tỉ lệ hài lòng ở mức cao nhiều năm liền (TB=3,50; DLC: 0.5) nhưng cũng là tiêu chí nhận được nhiều góp ý của SV. Một vài ý kiến của SV như CB phục vụ khó chịu, có thái độ không tốt, không nhiệt tình,... vẫn được đề cập đến. SVTN đánh giá khá tốt về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy-học, phòng thí nghiệm và không gian, tài liệu tại thư viện; về việc thông báo kết quả học tập, tuy nhiên vẫn có một số nhận xét của SV về các tiêu chí này (*xem phụ lục*).

Kết quả đánh giá này có sự tiến bộ thay đổi so với các đợt khảo sát trước đó. Việc cải thiện và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Nhà trường, thư viện và phòng thí nghiệm là những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển của Nhà trường, tuy nhiên cần nhiều nguồn lực và có lộ trình cụ thể. Về việc thông báo kịp thời kết quả học tập của người học đã được quán triệt trong quy định thi tập trung của Nhà trường, đây là một trong các căn cứ để Nhà trường đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên. Với những thay đổi trong quản lý, hi vọng trong các đợt khảo sát lấy ý kiến SV tiếp theo sẽ có được những kết quả đánh giá cao.

4. Đánh giá chung

Nội dung tiêu chí	Chưa tốt/ chưa hài lòng	Bình thường	Tốt/hài lòng	Rất tốt/rất hài lòng	Ý kiến khác	TB	DLC
Anh/Chị được trang bị kiến thức và kỹ năng đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.		0.5	3,16	0.7			

Anh/Chị hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học.		0.5	3,29	0.7
Anh/Chị hài lòng về công tác quản lý và phục vụ đào tạo.		0.5	3,24	0.6
Anh/Chị hài lòng về chất lượng môi trường học tập, sinh hoạt tại Trường.		0.5	3,25	0.7
Đánh giá chung của Anh/Chị về sự cải tiến của trường qua từng năm.		1.0	3,35	0.8

Bảng 7. SVTN đánh giá chung về khóa học

SVTN năm 2020 đánh giá chung về các tiêu chí ở mức hài lòng, trong đó không có tiêu chí nào được đánh giá ở mức ĐTB <3.0. SVTN đánh giá cao chất lượng đào tạo của Nhà trường và sự cải tiến phù hợp trong từng năm, đây cũng là nội dung được đánh giá cao nhất trong năm 2017, 2018 và 2019. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị phòng ĐTDH và các Khoa/Bộ môn tiếp tục phát huy trong các học kỳ tiếp theo.

Ngoài ra, SVTN năm 2020 đã đánh giá hài lòng về *kiến thức, kỹ năng được trang bị để đáp ứng CDR* (ĐTB= 3.16, DLC=0.7), thấp hơn so với năm 2019 (ĐTB=3.23 & DLC= 0.71). Kết quả này thống nhất với ý kiến đánh giá của SV về mức độ đạt được CDR.

Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các phòng/ban và các Khoa/Bộ môn nghiên cứu các giải pháp để giúp SV đạt được CDR ở mức cao hơn; qua đó nâng cao sự hài lòng của SV về công tác đào tạo.

5. Ý kiến khác

Bên cạnh các tiêu chí đánh giá định lượng, Nhà trường cũng thu thập các ý kiến định tính của SVTN với câu hỏi *“Những điều của khóa học làm SVTN hài lòng hoặc không hài lòng”*. Các ý kiến chi tiết của 84 SVTN được trình bày ở phần Phụ lục.

D. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN

1. Kết luận

Trong năm 2020, Phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐTDH, Văn phòng các CTĐB, Phòng CTSV và Phòng DL&CNTT đã khảo sát và thu được ý kiến của 421/491 SVTN, đạt tỷ lệ 85.7%.

Nhìn chung, SVTN đánh giá hài lòng về tất cả các tiêu chí liên quan đến GV, công tác tổ chức và quản lý, về sự cải tiến liên tục của Nhà trường,... và không có tiêu chí nào bị đánh giá ở mức thấp (dưới 3.0). Đây là kết quả rất tốt, cho thấy Nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong cải thiện chất lượng đào tạo.

So với các đợt tốt nghiệp trước, bên cạnh các tiêu chuẩn duy trì được tỉ lệ hài lòng của SVTN như trình độ chuyên môn của GV, có một số tiêu chí đã có sự tiến bộ đáng kể, như: các tiêu chí thuộc về thư viện, tài liệu học tập,... Ngoài ra, nhiều ý kiến chưa hài lòng về thái độ phục vụ của CB phòng/ban, cơ sở vật chất phục vụ dạy-học (máy chiếu, cửa, máy tính,...), phương án thu học phí,... cũng được SV nêu lên trong đợt khảo sát này.

SVTN mong muốn CTĐT của Nhà trường phải đáp ứng nhu cầu của thị trường do đó Nhà trường cần thiết kế chương trình tăng cường thực hành, bổ sung các khối kiến thức liên quan đến ngành nghề, xu hướng mới. Bên cạnh đó, SV cũng đánh giá tầm quan trọng của công tác quản lý và sự hỗ trợ của các phòng/ban trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên hoàn thành quá trình học tập.

2. Đề xuất

Căn cứ trên số liệu được xử lý và các ý kiến đóng góp của SVTN, Phòng TT-PC-ĐBCL đề xuất Nhà trường thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hơn nữa sự hài lòng của SVTN về khóa học:

1. Khoa/bộ môn định kỳ rà soát, cải tiến CTĐT; GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình, kết hợp nhiều hình thức và phương pháp dạy học để thu hút, tăng cường tính tích cực của SV.

2. Phòng ĐTDH phối hợp với các Khoa/Bộ môn và GV tiếp tục cải thiện vấn đề về thông báo kết quả học tập cho SV kịp thời, đúng quy định để không ảnh hưởng đến việc đăng ký học phần, kế hoạch học tập đã công bố cho sinh viên.

3. Các lãnh đạo đơn vị cần cải tiến và nâng cao thái độ phục vụ SV chuyên nghiệp, kịp thời.

4. Các Khoa, Phòng/Ban cần đẩy mạnh hoạt động tư vấn SV về học tập, sinh hoạt, hướng nghiệp giúp sinh viên có những định hướng đúng đắn; trong đó nhấn mạnh ưu tiên việc học làm trọng tâm.

5. Phòng ĐTDH, các Khoa thực hiện thống kê các nguyên nhân sinh viên tốt nghiệp trễ hạn, qua đó phối hợp với các đơn vị có liên quan để có các giải pháp phù hợp, hỗ trợ sinh viên, đặc biệt các SV chưa đạt CĐR ngoại ngữ.

6. Khoa/Bộ môn thực hiện phản hồi/ báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát, đặc biệt là giải trình các ý kiến của SV nhằm thực hiện kế hoạch cải thiện và nâng cao chất lượng.

7. Phòng ĐTDH, VPĐB, phòng CTSV, phòng Quản trị Thiết bị và các Khoa xem xét các ý kiến đóng góp của sinh viên, đặc biệt là các ý kiến chưa hài lòng để có điều chỉnh phù hợp.

**PHÒNG TT-PC-ĐBCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

Nguyễn Khánh Sơn

PHỤ LỤC
Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ HÀI LÒNG/CHƯA HÀI LÒNG CỦA
SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020

T T	Ngành	Hệ ĐT	Hài lòng	Không hài lòng	Góp ý
1	HTTT	CLC	<p>- Tôi chân thành cảm ơn trường đã tạo môi trường tốt để tôi học tập và phát triển. Xin chúc trường ngày càng phát triển, đào tạo được nguồn nhân lực cho xã hội.</p>		
2	CNPM	CQUI	<p>- Rất vui và tự hào khi được đào tạo và phát triển trong môi trường của UIT. Thầy cô nhiệt tình, bạn bè giỏi.</p>		<p>Rất mong nhà trường có thể mang nhiều công nghệ mới phổ cập đến các bạn sinh viên trong tương lai, để giúp các bạn dễ hòa nhập trong môi trường làm việc thực tế khi ra trường như kỹ năng làm việc với Google Cloud, AWS, K8s, Docker, CI/CD, Rust, Golang, Blockchain, AI, kỹ năng quản trị, những luật pháp liên quan tới ngành CNTT...</p>
3	CNPM	CLC	<p>- Điều hài lòng, em nghĩ là cách các thầy cô hướng dẫn cho sinh viên rất nhiệt tình và bài bản. Lượng kiến thức mà sinh viên nhận được từ giảng viên rất nhiều. Đội ngũ giảng viên tại trường, theo em thấy thì khá là chất lượng vì toàn các thầy cô giỏi. Về cơ sở vật chất thì rất tốt, đáp ứng đủ các</p>		<p>Còn điều không hài lòng, đó là <u>việc giảng viên đứng tên cho 1 sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp bên các chương trình đặc biệt phải là Tiến sĩ</u>, mặc dù số lượng thầy cô có học hàm Tiến sĩ ở trường mình chưa nhiều. Hơn nữa, theo em thấy thì chỉ có trường mình mới có điều kiện này dành cho</p>

			yêu cầu dành cho sinh viên và thậm chí là hơn.		sinh viên chương trình đặc biệt. Em hy vọng trường mình trong tương lai có thể xem xét lại điều này để các bạn sinh viên khóa sau đỡ vất vả đi tìm Tiến sĩ cho khóa luận của mình.
4	HTTT	CTTT	- Điều khiến tôi hài lòng là được gặp gỡ được nhiều giảng viên trong cũng như ngoài trường, học được chuyên môn cũng như kinh nghiệm sống và làm việc của các thầy cô.	Không có buổi chia sẻ kinh nghiệm học tập nghiên cứu của khóa trên cho khóa dưới.	
5	MMT&TT	CQUI	- Cán bộ công nhân viên dễ thương, thân thiện, vui vẻ.	1 số phòng máy thực hành chưa đáp ứng nhu cầu học tập, đa số phải mang laptop đi theo; Thư viện nóng; 1 số môn chưa còn thông báo chậm	
6	KHMT	CQUI	- Giảng viên rất nhiệt tình chỉ bảo cho sinh viên, khoa KHMT có nhiều môn học để lựa chọn, do đó có rất nhiều hướng đi cho sinh viên.	Học về lý thuyết còn nhiều, cần cho sinh viên thực hành và làm đề tài môn học nhiều hơn.	
7	KTMT	CLC		Số bài thực hành cần thêm nhiều hơn và cập nhật hơn vì có những môn chỉ làm thực hành cho có lệ	- Cần có thêm môn về điện tử vì sinh viên kỹ thuật máy tính rất yếu về mảng này
8	HTTT	CQUI	- Hài lòng về sự nhiệt tình giảng dạy của thầy cô, môi trường tốt		
9	MMT&TT	CQUI	- Về ngành mà em sắp tốt nghiệp, nhìn chung thì môn đại cương vừa sức.	Môn cơ sở ngành và chuyên ngành thì nhiều nhưng không sâu lắm. Về cơ sở vật chất, cuối năm 2019 thì nhà vệ sinh nam ở tầng 1 nhà C	Về môn đại cương, không phải ngành nào cũng cần phải biết về toán, ít nhất là ở bậc đại học, em gợi ý trường mình có các môn toán phù hợp với từng ngành, môn toán nào cần bỏ thì bỏ, thử tham

				<p>vẫn bị hỏng cánh cửa, <u>giảng đường ở nhà A vẫn nóng cực kì, còn máy chiếu hầu như ở tất cả các phòng đều bị mờ, bị sai màu.</u></p>	<p>khảo các khoa xem các ngành cần lĩnh vực nào của toán.</p> <p>Môn Nhập môn điện tử có thể bỏ qua cho sinh viên không thuộc ngành kỹ thuật máy tính, đồng thời bỏ yêu cầu môn học "tiên quyết"/"trước" của môn này đối với môn Nhập môn mạch số.</p> <p>Nhập môn lập trình, sinh viên mới còn nhiều bỡ ngỡ, có nhiều bạn còn chưa biết đến lập trình, không rõ năm nay chất lượng sinh viên như thế nào, nhưng môn học nên dạy đúng theo tên của nó - là cho người mới bắt đầu, đặt biệt là phần thực hành, vì lúc trước em nghe các bạn sinh viên khác than thở đề cho trên trời không à.</p> <p>Qui định anh vẫn trường mình về IELTS chưa ghi rõ là Academic hay General, với band điểm tương đương nhau thì Academic khó hơn General nhiều. Em gợi ý trường mình nên nêu rõ ràng để sv có thể lựa chọn con đường học phù hợp với khả năng nhất. Em nghĩ là các bạn sẽ mặc định hiểu yêu cầu IELTS của trường mình là dạng Academic, nhưng theo em quan sát, cái gì ghi chi tiết, rõ ràng vẫn tốt hơn, em không muốn các bạn lách luật hay lỡ tốn tiền thi rồi thì trường mình lại không chấp nhận kết</p>
--	--	--	--	---	---

					quả đó. Ngoài IELTS, TOIEC còn có kì thi PTE, mình có thể tham khảo thử.
10	MMT&TT	CQUI	- Thầy cô vui vẻ hòa đồng với sinh viên.		
11	HTTT	CTTT	- Điều em hài lòng nhất đó là được có một cố vấn học tập đáng yêu nhất hệ mặt trời là TS. Cao Thị Nhạn và hầu hết giảng viên đánh giá đúng và công bằng năng lực của sinh viên.		
12	CNTT	CQUI	- Em hài lòng		
13	CNPM	CQUI	- Em rất hài lòng về môi trường học tập tại trường, các thầy cô tận tình và chương trình học hợp lý.		
14	MMT&TT	CQUI	- Chương trình đào tạo phù hợp, không quá nặng cũng không quá nhẹ.		
15	CNPM	CQUI		Về phần chuyên ngành di động thì ổn, còn về <u>phần .Net framework chỉ học khái quát chưa sâu để sinh viên có kiến thức áp dụng thực tế.</u> Sau này có thể nhà trường tách ra thành một chuyên ngành riêng để sinh viên định hướng được khi học .Net framework	
16	HTTT	CLC		<u>Em không hài lòng về cam kết bổ túc anh văn (Av) chuyên ngành dành cho CTDDDB - em không thấy điều này được thực hiện</u> (ngoại trừ thông báo đóng tiền học AV trung tâm nào đó hợp tác với trường với	

				<p>mức khá cao, và hình như là rất ít người đăng ký vì mức học phí của nó). AV 1,2,3 theo quan điểm bản thân và các bạn học thấy như cho có, không có tính nhất thống hoặc trợ giúp để học tập mà có vẻ như là gánh nặng để hoàn thành ,về sau nhà trường đổi thành AV 1,2,3,4,5 nên em không rõ để ý kiến.</p> <p>- <u>HOC PHÍ GIA HẠN</u>: Như vậy thì thật bất công với khóa này. Vì sau đợt dịch rất nhiều bạn chưa thể ra trường kịp, với 1 số lý do khách quan như vừa kết thúc khóa luận và chưa thể thi kịp bằng AV. Chưa kể kinh tế đang khó khăn. Giờ lại phải đóng Học Phí Gia Hạn dù đã hoàn thành khóa học. Em chỉ mong nhà trường có biện pháp khắc phục và thương cho tâm lý của sinh viên hơn ạ.</p>	
17	HTTT	CLC	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi học CLC và tôi chỉ hài lòng ở UIT chỉ 2 năm đầu khi cơ sở vật chất từ phòng học, phòng máy, nhà vệ sinh, tất cả điều tốt. - Thầy cô trong trường rất là tuyệt vời. 	<p>Cho đến năm 3 năm 4 thì dường như tất cả phòng học của chúng tôi đều bị chuyển sang nhà C, <u>các phòng học, phòng máy kém chất lượng, wifi hầu như không có.</u> <i>Tất cả cam kết của nhà trường chỉ đáp ứng cho tôi khoảng 2 năm. Mời đây thôi..cái gọi là học phí gia hạn dành cho sinh viên nợ anh vẫn</i> (nợ vì dịch, vì trung tâm thi bị</p>	

				hoãn thi đến tận 4 tháng chứ không phải vì thi rớt),.. <i>Nhà trường đã không cam kết như những gì đã hứa đã làm tôi thật sự thất vọng về UIT.</i>	
18	HTTT	CLC		Được học ở UIT là ước mơ của em, cho đến khi học đến năm 3, năm 4 và đến nay thì là học phí gia hạn.	
19	CNPM	CLC	- Một số giảng viên thiếu nhiệt tình trong công tác giảng dạy và đánh giá thiếu khách quan.		
20	CNPM	CLC		<u>Đi xuống rõ rệt trong 2 năm qua</u>	
21	HTTT	CLC	- Hải lòng		
22	CNPM	CLC		<i><u>Thủ tục hoàn thành để nộp cuốn khóa luận không chỉ sinh viên mà giảng viên khoa khác phản ánh rất nhiều vì tính lằng nhằng và phức tạp hóa.</u></i> Điều này em nghĩ mình không cần phải nói nhiều.	
23	CNPM	CLC		Canteen quá xa so với các tòa nhà chính	
24	CNPM	CQUI		<i><u>Cách học tập và đánh giá của một số môn còn chưa rõ ràng. Giảng viên <u>day và yêu cầu trên lớp về một hướng, nhưng khi kiểm tra hoặc vấn đáp thì lại yêu cầu theo một hướng khác.</u></u></i>	
25	MMT&TT	CQUI		<i>Thực hành code cũ, code chuyên để ra sản phẩm, tool chưa được đề cao;</i>	

				<i>Sức học của sinh viên trong lớp không tương đồng, nhóm học tập giỏi yếu phân tán, xa cách.</i>	
26	TMĐT	CQUI			Khóa học hơi khô khan, nhà trường nên tổ chức nhiều hoạt động sinh hoạt, ngoại khóa hơn để sinh viên được giải trí sau giờ học
27	ATTT	KSTN			Cần có những buổi định hướng rõ ràng hơn cho sinh viên từ năm nhất, năm hai; <i>Cần có những bài tập/bài học thực hành thực tiễn hơn, mang tầm thế giới hơn.</i>
28	HTTT	CQUI		<u>Việc mở lớp tư chọn hẹp khá khó khăn với sinh viên học trái kì. Hi vọng trường có thể tạo điều kiện tốt hơn nữa để cho sinh viên nào học trễ có thể để dàng được học để kịp tốt nghiệp đúng kì hạn</u>	
29	KTMT	CLC	- Cung cấp khá nhiều kiến thức, khá nhiều ngôn ngữ để tiếp cận và học tập. Giới thiệu nhiều công ty để thực tập và làm việc.	<u>1 số kiến thức khá cũ không còn áp dụng ở công ty</u> , cần liên hệ thêm nhiều ví dụ, ứng dụng của 1 số môn vào ngành nghề sau này, cập nhật hướng dẫn thêm 1 số kiến thức mềm khi đi làm (không nên hướng dẫn qua lý thuyết mà thực hành thực tế nhiều hơn) để sinh viên đỡ ngỡ khi xin và làm việc.	
30	KHMT	CQUI	- Những việc cần liên hệ Phòng Đào tạo và Phòng Công tác sinh viên được xử lý nhanh.	- Việc sử dụng tiếng Anh cho sinh viên hệ đại trà: Em thấy là hệ đại trà chiếm phần đông sinh	- Chuẩn đầu ra chỉ xuất hiện trên daa chứ em chưa thấy lớp trường hay cố vấn học tập nhắc gì đến cái đó trong quá trình

			<p>- Wifi mạnh</p>	<p>viên trường, nếu sinh viên được tiếp xúc nhiều với tiếng Anh ở trong lớp học, trải qua 4 năm đại học thì em nghĩ sẽ có nhiều sinh viên không bị nợ chứng chỉ tiếng Anh để ra trường như hiện nay.</p> <p>- Chất lượng đào tạo của Khoa học Máy tính: Đề nghị các thầy cô chuyển hướng giảng dạy như môn Máy học mới, là lấy một khóa học online của các trường nổi tiếng để cho sinh viên học trên đó, rồi giáo viên giám sát và giải đáp thắc mắc cho sinh viên. Vì em thấy rằng rất nhiều môn chất lượng giảng dạy của giáo viên khoa so với các khóa học online của các trường nổi tiếng thì không bằng.</p>	<p>học; Chuẩn đầu ra chỉ quen thuộc với sinh viên nào hay truy cập vào mục Chương trình đào tạo trên daa thôi Chuẩn đầu ra nêu rõ những gì người học cần đạt được nhưng thực tế em thấy nhiều người học chưa đạt những điều đó vẫn tốt nghiệp được; Các môn chuyên ngành ở Khoa học Máy tính không có tiên quyết, sinh viên biết sơ sơ về machine learning cũng có thể năng ký được môn chuyên ngành làm cho giáo viên các môn này phải dạy đi dạy lại mấy thứ đã cũ; Thư viện tốt, wifi tốt, nước nhà A có vẻ có tính acid cao hơn các nhà khác, nhà trường nên có một cái mái che từ nhà B hoặc nhà A sang nhà ăn để sinh viên không bị ướt vào mùa mưa Những việc liên quan Phòng Đào tạo + Phòng CTSV thì được xử lý kịp thời, còn những việc cần liên hệ với giáo viên thì có thầy cô rất lâu mới trả lời. Thư viện có đủ chỗ nhưng những cái bàn ở gần phòng Giám đốc thư viện chưa có ổ cắm điện, máy quạt có một số hôm chạy yếu, một số sách cần thiết cho machine learning + deep learning chưa có sẵn trong thư viện nên cần phải tải lậu, thư viện nên mở hết các cửa lớn ra để không khí lưu thông Em không thấy có vấn học tập lớp KHMT2015 có tác dụng gì hết</p>
--	--	--	--------------------	---	--

				<p>Điểm đồ án môn học giáo viên nên chấm công khai và công bố công khai trước lớp, đừng để hết học kỳ mới chấm lúc đó sinh viên không có được sự so sánh kết quả của mình với sinh viên khác để khiêu nại</p> <p>Một số môn giáo viên còn không up kế hoạch giảng dạy lên courses nên sinh viên cũng không biết giảng viên có theo đúng kế hoạch giảng dạy không. Môn CS313.K21 của cô Thư dạy trên Teams vào học kỳ rồi, nếu cô dành nhiều thời gian kể chuyện đời sống thì có lẽ tiết học có thể rút gọn thành 3 tiết chứ không cần phải đến 11 giờ.</p> <p>Hầu hết kiến thức em có được là học từ coursera và sách vở. Các môn chuyên ngành thị giác máy tính ở Khoa học Máy tính không thấy giáo viên lấy một cuốn giáo trình nào đó làm giáo trình chính để sinh viên tham khảo, bên Kỹ thuật Máy tính thì có</p> <p>Hầu hết giảng viên có chuyên môn tốt, nhưng vấn đề của khoa Khoa học Máy tính là môn học thường chỉ có 1 giảng viên phụ trách nên giảng viên dù có tốt cỡ nào cũng không thể đảm đương việc dạy lý thuyết và thực hành tốt được. Bên khoa Kỹ thuật Máy tính thì môn học thường do 2 giáo viên phụ trách, và môn thực hành thường là hình thức 1, sinh viên sẽ thường làm các bài lab, dạy như</p>
--	--	--	--	---

					vậy mới phổ biến kiến thức cho số đông sinh viên được Môn học ở Khoa học Máy tính lý thuyết nhiều hơn thực hành Nội dung chương trình đào tạo ngành Khoa học Máy tính cho khóa 2015 quá cũ, sinh viên không được học nền tảng về machine learning, deep learning. Các môn học chuyên ngành thì các giáo viên cứ dạy lại những kiến thức về machine learning nhưng chỉ là cưới ngựa xem hoa.
31	ATTT	KSTN		<u>Một số giảng viên có chuyên môn không phù hợp với môn dạy.</u> Trường có thể xem xét mời thêm các giảng viên thỉnh giảng là các chuyên gia trong ngành.	
32	KTPM	CQUI			Em cảm thấy trường nên khuyến khích các bạn tham gia hoạt động xã hội nhiều hơn, bắt buộc càng tốt ạ
33	HTTT	CLC	- Thầy cô ở Khoa rất tích cực và nhiệt tình trong công tác giảng dạy.	<u>Chất lượng phòng học CLC ở khu A và C không đảm bảo, chất lượng máy thực hành ở khu C không đảm bảo cho quá trình học. Chất lượng wifi khu A, C, B rất tệ.</u>	
34	KTPM	CQUI	- Điều làm em hài lòng là trường có nhiều giảng viên nhiệt tình, tận tâm. Thái độ làm việc của các ban ngành trong trường rất chuyên nghiệp. Khuôn viên của trường hiện cũng rộng rãi và sạch đẹp, môi trường học tập rất tốt.	Tuy nhiên, em thấy <i>chương trình đại cương (một số môn) của trường mình khá nhẹ, cần nâng cao để phù hợp với trình độ sinh viên</i> trong trường lẫn cân bằng với các trường xung quanh.	

35	TMĐT	CQUI		Em từng gặp trường hợp là được thông báo thông tin trên mail là một nội dung nhưng khi em <u>đến trực tiếp phòng đào tạo thì nội dung lại khác với mail em nhận được cùng với thái độ không tốt lắm</u> . Nên em mong các cán bộ có thể luôn luôn có thái độ niềm nở đến với sinh viên nhất trong mọi trường hợp.	
36	MMT&TT	CQUI			Sinh viên khoa Mạng nên có được <u>tạo điều kiện hơn trong việc tiếp xúc với các doanh nghiệp liên quan đến chuyên ngành hơn</u>
37	HTTT	CLC	- Học phí tốt so với cơ sở vật chất và chất lượng giảng dạy.	Chương trình giảng dạy bằng tiếng anh của trường chưa được tốt lắm	
38	TMĐT	CQUI	- Mỗi trường học tập coi mở giữa sinh viên và giảng viên - Các môn học được thiết kế tốt đáp ứng được nhu cầu học và làm việc		
39	KTPM	CLC	- Thích wifi của trường, môi trường học tập chuyên nghiệp		
40	MMT&TT	CQUI			Nên yêu cầu về chuẩn tiếng anh trước khi đăng ký học phần
41	CNTT	CQUI	- Khóa 2015 của Khoa KH&KTTT là một khóa mới nên chương trình đào tạo chưa ổn. Em cũng thấy các khóa từ 2017 trở lên bắt đầu rõ ràng hơn;	- <u>Nhiều thầy cô PDT có thái độ chưa đúng mực với sinh viên</u> , có những giấy tờ hoặc nội dung hện lên hện xuống nhiều lần + khó chịu với sinh viên;	

				Phòng học dãy C khá cũ, máy chiếu đa số xấu	
42	KHMT	CNTN	<ul style="list-style-type: none"> - Các thầy cô tận tâm, đánh giá công bằng trong kết quả học tập. - Chương trình học được cập nhật đổi mới theo từng năm. - Cán bộ nhân viên trong trường thân thiện. 		
43	MMT&TT	CQUI	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị một nền tảng kiến thức đủ để đi khẳng định bản thân 		
44	KHMT	CNTN	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường tốt để rèn luyện nâng cao kỹ năng 		
45	KHMT	CNTN	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường hỗ trợ tạo điều kiện rất nhiều cho sinh viên. 		Tuy nhiên, đối với sinh viên KTMT như em thì mong được dạy và học thêm các môn ở CNPM, bổ sung các kiến thức và dùng git trong trường, quy trình làm phần mềm, unitest. Mong Khoa tạo điều kiện để sinh viên không bị giới hạn học môn từ khoa CNPM. Em cảm ơn
46	CNTT	CQUI	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức thực tế, có ích, vận dụng được khi đi làm. 	Cơ sở vật chất một số phòng máy chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Cập nhật điểm hơi lâu.	
47	KHMT	CQUI	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm ơn các Thầy (Cô) đã tận tình chỉ dạy trong suốt thời gian học tại trường. 		
48	KTPM	CQUI			
49	KHMT	CNTN		<p>Không hài lòng về Cơ sở vật chất</p> <p>Chương trình đào tạo thiếu phần xây dựng kỹ năng viết test, debug cho chương trình;</p> <p>Tiếng Anh chưa được chú trọng đúng mức.</p>	

50	KTPM	CQUI	- Thầy cô luôn tận tình hướng dẫn sinh viên		
51	KTPM	CQUI			Em nhận thấy một điều là <u>đề án ở trường hầu hết không có kiểm tra về architecture cũng như các nguyên tắc cơ bản của lập trình phần mềm</u> (Ví dụ nguyên tắc SOLID) và thậm chí là không kiểm tra source code như thế nào mà chỉ chú trọng tới kết quả cuối cùng. Vì thế em cũng mong quý thầy cô có thể bỏ thêm thời gian để kiểm tra chặt chẽ phần này hơn giúp sinh viên rèn luyện tốt hơn
52	HTTT	CQUI		<u>Chuẩn đầu ra anh vẫn thay đổi liên tục qua các năm.</u>	
53	HTTT	CQUI		<u>Thầy Đỗ Duy Thanh luôn đi dạy trễ, thái độ không tốt với sinh viên.</u>	
54	KHMT	CQUI	- Giảng viên có kiến thức chuyên môn cao, tận tình giúp đỡ sinh viên.	Sự liên kết giữa các môn học chưa cao, nhiều môn hàn lâm, thiếu tính thực tiễn.	
55	CNTT	CQUI	- Mọi thứ của khoa điều làm em hài lòng.		Nhưng có một chỗ, đây là em đang gặp vấn đề trong việc xin bảng điểm online. Em có lên Daa để xem quy trình và thấy có hướng dẫn: Bước 1 : SV đăng ký bảng điểm trên trang web; Bước 2 : Sau khi xem trên hệ thống thấy tình trạng đã in bảng điểm, SV đến P.ĐTĐH để đóng lệ phí và nhận bảng điểm vào thứ 3, thứ 5 và sáng thứ 7 hàng tuần.

					<u>Em thấy bước 1 chưa tường minh cho lắm, đăng ký bảng điểm trên trang web là trang web nào, trường mình đâu chỉ có một trang web.</u> Nếu có thể, mong nhà trường chỉnh sửa lại Bước 1 (ghi rõ hơn trang web nào, thêm 1 liên kết đến trang web xin bảng điểm) nếu có thể. Em xin cảm ơn và chúc quý Thầy Cô và toàn thể UIT ngày càng phát triển, vững mạnh ạ.
56	KHMT	CNTN	- Em rất hài lòng về 4 năm học ở trường UIT, tuy nhiên khi nhìn thấy các bạn khóa dưới được tiếp cận với các thầy cô giỏi từ lúc đầu như lớp KHTN2020 được làm việc với thầy Lê Đình Duy từ rất sớm khiến em hơi ghen tị. Em cũng là một học trò của thầy Duy nên em hiểu nếu các bạn ấy được tiếp xúc với thầy sớm thì sẽ được học rất nhiều điều. Mong trường ta sẽ phát triển nhanh hơn nữa để tiến lên thành trường đào tạo CNTT đứng đầu cả nước.		
57	HTTT	CLC	- Nội dung hay hấp dẫn		
58	KHMT	CNTN	- Em xin cảm ơn trường đã tạo điều kiện và cơ hội học tập cho sinh viên chúng em. Em đã nhận được nhiều sự giúp đỡ tận tình từ các thầy cô, không những trong học tập mà còn trong định hướng nghề nghiệp sau này.		Em xin mạn phép có một số góp ý về chương trình đào tạo như sau: <u>các môn học trong trường còn khá nhẹ, điều này có lợi cho phần lớn sinh viên nhưng lại khiến cho việc học trở nên đơn giản, không tạo độ khó khiến cho nhiều sinh viên không có thách thức và động lực học tập. Hơn nữa các môn học đại cương và cơ sở ngành còn chưa đủ sâu</u> , khi đi phỏng vấn ở một số

					công ty lớn, hầu như các câu hỏi lại đều chủ yếu ở phần này, em nghĩ đây là một phần quan trọng cần hướng tới. Em xin một lần nữa cảm ơn ạ.
59	MMT&TT	CQUI			Hi vọng là nhà trường sẽ <i>tạo điều kiện để trong quá trình học được tiếp xúc thực tế hơn về các công nghệ</i> để rồi từ đó tạo sự hứng thú hơn cho các bạn về học thuật lý thuyết và nghiên cứu.
60	KHMT	CNTN	- Đa số thầy cô chuyên môn cao, thân thiện. Nội dung chương trình thay đổi để dần phù hợp với thực tế. Có nhiều cuộc thi hoặc hội nhóm tham gia các cuộc thi.		<i>Sinh viên khoa khoa học máy tính thường được học hỏi nhiều về tư duy, hiểu sâu vấn đề, nặng lý thuyết, đi theo hướng scientist.</i> Chương trình học cũng nên bổ sung để rèn luyện kỹ năng engineer cho sinh viên.
61	KHMT	CQUI		Môi trường học thiếu năng động, nhiều sinh viên bị cô lập	
62	KHMT	CNTN	- Các thầy cô giáo tận tình, nhiệt huyết, kiến thức được học rất có ích cho công việc		
63	MMT&TT	CQUI	- Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, có chuyên môn sâu. Công tác quản lý cấp cơ sở thực hiện tốt.		
64	KTMT	CQUI		Sinh Viên học đại học ≥ 4 năm rồi sao phải cần bằng tốt nghiệp cấp 3 mới được tốt nghiệp (Quy trình nộp hồ sơ xét tốt nghiệp).	
65	KHMT	CNTN	- Giáo viên trong khoa rất nhiệt tình, thân thiện, vui vẻ.		

66	CNTT	CQUI	- Môi trường học tập thoải mái. Giảng viên hầu hết đều nhiệt tình thân thiện. Cán bộ nhà trường có thái độ vui vẻ thân thiện.	<u>Có số ít bộ phận giảng viên không thực sự công tâm trong giảng dạy, có sự phân biệt đối xử với các lớp học khác nhau,</u> có sự bất công về mặt đối xử giữa các sinh viên. Phòng học khá nóng vì quạt đa số hư và không đủ mát. Máy chiếu hơi mờ, ngồi xa khó nhìn ra.	
67	KHMT	CQUI	- Ngành KHMT thay đổi quá nhanh. Chúc các giảng viên thật nhiều sức khỏe và tâm huyết để kiến tạo được một thế hệ có ích cho đất nước. Em xin cảm ơn tất cả cá giảng viên và nhân viên của trường!		
68	MMT&TT	CQUI			Nên bổ sung thêm thời gian thực hành
69	KHMT	CNTN	- Môi trường các sự hỗ trợ của các phòng ban hay cán bộ công tác sinh viên đều rất ổn.		Thầy cô chuyên môn, hầu hết đều ổn nhưng mà sự nhiệt huyết để truyền lại kiến thức và chưa định hướng chia sẻ hướng đi và phát triển cho sinh viên ở tương lai. Thầy cô còn thương học sinh quá và cho <i>yêu cầu khá ít về thực hành, điểm thi cũng khá thông thả</i> tạo điều kiện cho sinh viên học hành phát triển nhưng cũng là điều khiến cho sinh viên ỉ lại và lười. Mong thầy cô có cách truyền đạt và những hành động để trường mình phát triển hơn nữa.
70	KHMT	CNTN	- Giảng viên rất thân thiện, tận tâm.	Chương trình đào tạo, môn học còn lỗi thời, chưa cập nhật nhiều, đặc biệt là cách giảng dạy chưa tốt.	

71	CNTT	CQUI	- Một vài Giảng viên có khả năng truyền cảm hứng tốt, thân thiện (vd: Tạ Thu Thủy)	<u>Nhiều giảng viên có cái tôi lớn, yêu cầu cao</u> trong khi sinh viên không cần phải như thế.	
72	MMT&TT	CQUI	- Chất lượng đào tạo khiến em rất hài lòng.	Ngược lại điều khiến em không hài lòng là <u>chương trình đã quá cũ và không cải tiến được nhiều</u> nên sinh viên phải tự tìm hiểu là chính để có thể nắm bắt xu thế.	
73	KHMT	CQUI	- Hầu hết các thầy cô dạy học ở lớp tôi đều rất nhiệt tình trong việc dạy học và chia sẻ kinh nghiệm. Cảm ơn các thầy cô nhiều!		
74	CNTT	CQUI		Cơ sở vật chất ở các phòng học nhà C và phòng thực hành còn hạn chế, một số môn học đã cũ.	
75	KHMT	CQUI		wifi trường yếu quá	
76	CNTT	CQUI		Lúc tuyển sinh có nhiều chuyên ngành. Nhưng thực tế chỉ có 1 hướng dạy được bài bản là về web (ngành nào của chương trình đại trà đều dạy)	
77	KHMT	CQUI		<u>Môn khai thác dữ liệu và ứng dụng của em bị cắt giảm 30p khi thi so với các lớp khác.</u> Điều này khiến em thực sự không hài lòng vì với kiến thức của em lúc đó, em chắc chắn có thể đạt điểm cao hơn	

78	MMT&TT	CQUI	- Cô Dung khoa mạng rất tận tình với sinh viên	thầy Thuật khoa mạng dạy học không hợp lý.	
79	MMT&TT	CQUI	- Chương trình đào tạo chất lượng		
80	KHMT	CNTN	- Thực sự khóa học đã mang đến cho em một nền tảng về lập trình khá tốt đối với một người trước đó không hề biết và thành thạo ngôn ngữ lập trình nào cả. Khóa học còn mang đến cho em đầy đủ kiến thức đủ để em có thể làm việc ngay khi tốt nghiệp và thậm chí trước khi tốt nghiệp. Môi trường thân thiện, giảng viên tận tâm, điều kiện thuận lợi cùng bạn bè vui vẻ. Em thật sự rất hài lòng về khóa học, 4 năm học, 4 năm cuộc đời sinh viên của em, kết thúc tại đây nhưng vẫn mãi trong tim em. Những cảm xúc này em xin lưu giữ và gửi lời cảm ơn đến tất cả mọi người một lời cảm ơn chân thành nhất!		
81	MMT&TT	CQUI	- Em hài lòng về môi trường thân thiện của trường, trình độ chuyên môn của giảng viên, sự công bằng, công tâm của các thầy cô.		
82	KTPM	CLC		Chỉ họp lớp mới thấy cố vấn học tập xuất hiện	

83	ATTT	CQUI		<i>Nhà C thiếu ố nổi điện trong phòng học; Tài liệu nước ngoài còn ít; Một số môn vẫn còn sử dụng ngôn ngữ ít phổ biến (Maple và MATLAB)</i>	
84	ATTT	CQUI	- Khóa của em là khóa 2012 thì 2014,2015 là năm chuyên ngành, tự sinh viên chưa tìm được ngành nghề đầu ra của mình nên cứ học đại. có môn nào học môn đó, miễn sao đủ tín chỉ đầu ra, tự sinh viên sắp xếp các môn học nữa nên tổng quan lại thì lịch học chưa logic nhưng nghe nói các khóa sau thì làm tốt vấn đề này.		